

LEARNING MOTIVATION OF DEPARTMENT OF ECONOMICS STUDENTS IN DONG THAP UNIVERSITY

Nguyen Thanh Tung*, Hoang Thi Doan
Dong Thap University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	28/8/2021	This article presents research results on learning motivation and motivational sources that govern the learning of students of the Department of Economics, Dong Thap University. To conduct this study, the authors conducted a survey of 260 students studying at the Faculty of Economics by stratified random sampling method. The results showed that most of the students are influenced by internal motivation, in which learning to "capture and master knowledge" and "improve qualifications and expand understanding" have strongly influence student learning. This means that most of the students find that the need for learning is first of develop themselves in the future, learning that is to meet expectations or rewards from family, school is only a secondary. In addition, there are differences in the type of learning motivation by majors and gender. Research results provide useful information for educational administrators to orient students with the right learning motivation.
Revised:	28/9/2021	
Published:	28/9/2021	
KEYWORDS		
Motivation		
Learning		
Learning motivation		
Student		
Dong Thap University		

ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHOA KINH TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Nguyễn Thanh Tùng*, Hoàng Thị Doan
Trường Đại học Đồng Tháp

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	28/8/2021	Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu về động lực học tập và các nguồn động lực chi phối việc học tập của sinh viên Khoa Kinh tế Trường Đại học Đồng Tháp. Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 260 sinh viên đang học tại khoa Kinh tế theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số sinh viên chịu sự chi phối của nguồn động lực bên trong, trong đó học để "Nắm bắt và làm chủ kiến thức" và "Nâng cao trình độ, mở rộng sự hiểu biết" có sự chi phối mạnh nhất đến việc học tập của sinh viên. Điều này có nghĩa là có nhiều sinh viên nhận thấy rằng sự cần thiết của việc học tập trước hết là để phát triển bản thân mình trong tương lai, còn việc học tập mà để đáp ứng sự mong đợi hay khen thưởng từ gia đình, nhà trường chỉ là vấn đề thứ yếu. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn cho thấy có sự khác biệt về động lực học tập theo ngành học và theo giới tính. Kết quả nghiên cứu cung cấp những thông tin hữu ích để các nhà quản lý giáo dục của khoa và trường định hướng cho sinh viên có động lực học tập đúng đắn.
Ngày hoàn thiện:	28/9/2021	
Ngày đăng:	28/9/2021	
TỪ KHÓA		
Động lực		
Học tập		
Động lực học tập		
Sinh viên		
Trường Đại học Đồng Tháp		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4932>

* Corresponding author. Email: thanh tungdht@gmail.com

1. Giới thiệu

Động lực là một quá trình giúp thúc đẩy, định hướng và duy trì hành động một cách liên tục [1]. Động lực có một vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của con người. Nói cách khác, động lực chính là yếu tố thôi thúc con người hành động để thỏa mãn nhu cầu. Con người không thể đạt được mục đích của mình nếu không có động lực. Động lực chính là nguồn cảm hứng, là những gì thúc đẩy chúng ta hành động [2]. Tella và cộng sự của mình [3] cho rằng động lực được nhận thức liên quan đến sự hài lòng và cam kết của tổ chức. Còn trong nghiên cứu của mình, Kinman [4] đã nhận thấy rằng động lực thường được nhân mạnh bởi sự kích thích một cách trực tiếp đến các cá nhân từ một sự tự nỗ lực bên trong, hoặc là một sự khuyến khích từ môi trường bên ngoài.

Động lực học tập là cam kết để học và đạt điểm cao trong học tập và đặc biệt là nhận được những kiến thức có giá trị để có thể hỗ trợ cho nghề nghiệp trong tương lai của sinh viên [5]. Có nhiều yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến việc tăng hoặc giảm mức độ động lực của sinh viên đối với quá trình học tập. Các yếu tố này bao gồm quy mô lớp học, thái độ của giảng viên đối với sinh viên và động lực nội tại của sinh viên. Để gia tăng mức độ động lực nhằm giúp sinh viên có kết quả điểm học tập cao thì cần khuyến khích môi trường lớp học mang tính xây dựng bằng cách tạo ra nhiều diễn đàn thảo luận, thiết lập môi trường học tập hợp tác và làm việc nhóm nhỏ. Ngoài ra, việc sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, cung cấp đầy đủ điều kiện học tập và khuyến khích sự phản hồi từ sinh viên là những biện pháp quan trọng nhất [5].

Khi xem xét việc học tập của sinh viên thì động lực là một yếu tố cơ bản không thể bỏ qua. Động lực học tập tạo nên một nguồn sức mạnh, một nguồn năng lực mạnh mẽ khiến chủ thể hành động và duy trì hành động để đạt được kết quả. Giảng viên có thể hỗ trợ trong việc gia tăng và phát triển động lực học tập, giúp sinh viên đạt thành tích tối ưu trong lớp học. Ngoài ra, thông qua việc tạo môi trường học tập thuận lợi, thiết lập mục tiêu học tập rõ ràng cùng với sự nhiệt tình trong bài giảng có thể giúp sinh viên tìm thấy niềm vui và hứng thú trong học tập [6]. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ của gia đình, trường đại học và chính quyền, cũng như việc lập kế hoạch học tập của sinh viên không chỉ thúc đẩy sức khỏe tâm lý mà còn đóng một vai trò quan trọng trong việc học tập của sinh viên [7].

Theo Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt [8] thì động lực học tập được phân thành hai loại là động lực học tập mang tính xã hội và động lực mang tính nhận thức. Động lực hoàn thiện tri thức (động lực mang tính nhận thức) là mong muốn khao khát chiếm lĩnh, mở rộng tri thức, say mê với việc học tập..., bản thân tri thức và phương pháp dành tri thức có sức hấp dẫn, lôi cuốn sinh viên học tập. Loại động lực này giúp sinh viên luôn nỗ lực, khắc phục trở ngại từ bên ngoài để đạt nguyện vọng bên trong. Nó giúp sinh viên duy trì hứng thú và ham muốn học hỏi, tìm tòi, vượt qua những trở ngại khó khăn để đạt được những mục tiêu trong học tập. Động lực quan hệ xã hội là động lực mà sinh viên học bởi sự lôi cuốn hấp dẫn của các yếu tố khác là đáp ứng mong đợi của cha mẹ, cần có bằng cấp vì lợi ích tương lai, lòng hiếu danh hay sự khâm phục của bạn bè.

Valerio [6] thì cho rằng động lực bên trong là một yếu tố cơ bản trong quá trình học tập của sinh viên, với việc giảng viên có ảnh hưởng đến triển khai các trải nghiệm học tập cho phép sinh viên thấy kiến thức là giá trị và chủ động làm chủ việc học. Động lực bên trong liên quan đến việc giảng viên đưa ra sự lựa chọn, cho phép sinh viên thiết lập mục tiêu và điều tra sở thích và sự tò mò. Về phần mình, Williams [9] cho rằng khi sinh viên có mục đích học để tránh phải làm việc khác, học để thỏa mãn mong đợi của người khác (cha mẹ hoặc thầy cô), để muốn cạnh tranh với người khác, hoặc để nhận được một phần thưởng hay để tránh bị phạt, khi đó sinh viên có động lực học tập bên ngoài.

Nguyễn Thị Bình Giang và Dư Thống Nhất [10] cũng cho rằng động lực học tập của sinh viên không chỉ xuất phát từ động lực nội tại hay còn gọi là động lực bên trong, mà còn bị tác động từ những yếu tố bên ngoài. Động lực bên trong thúc đẩy sinh viên học tập trên cơ sở nhu cầu hoàn thiện tri thức, mong muốn nắm vững kiến thức và kỹ năng thực hành nghề, tiến tới làm chủ tri thức mà sinh viên được học. Động lực bên ngoài là học để có bằng đại học, để được khen thưởng, để tranh đua với bạn bè.

Như vậy, động lực học tập có vai trò vô cùng quan trọng đối với sinh viên. Không có động lực học tập, sinh viên không có lòng khát khao, hào hứng, mong muốn và cảm thấy có trách nhiệm trong việc học. Sinh viên sẽ lảng tránh việc học hoặc học một cách đối phó, hình thức và như vậy kiến thức và kỹ năng thu được sẽ hạn chế. Ngược lại, nếu có động lực học tập, sinh viên sẽ khát khao và hứng thú trong học tập, do đó kết quả thu được thường sẽ rất tích cực [5].

Nghiên cứu về động lực học tập, các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập và các mối quan hệ của nó đã thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể kể đến như:

Nhóm tác giả Misiran và cộng sự trong một nghiên cứu về “Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên tại Đại học Utara Malaysia” cho thấy các yếu tố liên quan đến lớp học, các yếu tố thuộc về gia đình và bạn bè có ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến động lực học tập của sinh viên, trong đó các yếu tố liên quan đến lớp học là các yếu tố chi phối trong số các yếu tố [11].

Nghiên cứu của Meşe và Sevilen về “Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập trực tuyến của sinh viên EFL” cho thấy sinh viên ít có động lực hơn trong quá trình học trực tuyến chẳng hạn như không hài lòng với nội dung khóa học và tài liệu, thiếu kỷ luật tự giác để tuân theo khóa học, thiếu giao tiếp và thiếu không gian riêng tư để theo dõi khóa học [12].

Nhóm tác giả Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt trong nghiên cứu “Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế Trường Đại học Cần Thơ” cho thấy sinh viên kinh tế chịu sự chi phối của 2 loại động lực học tập là động lực quan hệ xã hội và động lực hoàn thiện tri thức. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, sự hài lòng của sinh viên về các khía cạnh khác nhau trong học tập có tác động đến động lực học tập của sinh viên, bao gồm tác động phần lớn bởi các hoạt động phong trào, chất lượng giảng viên, chương trình đào tạo, điều kiện học tập, môi trường học tập [8].

Nhóm tác giả Schiller và Dorner trong nghiên cứu “Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập ngoại ngữ của học viên” cho thấy rằng yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến động lực học tập của học viên, những người học ngôn ngữ, trong bối cảnh này chính là tính cụ thể của mục tiêu học tập [13].

Nhóm tác giả Khalilzadeh và Khodi trong nghiên cứu “Đặc điểm tính cách của giảng viên và động lực của sinh viên” cho thấy sự tận tâm của giảng viên có ảnh hưởng tích cực đến động lực thu nhận kiến thức của sinh viên. Ngoài ra, đặc điểm tính cách hướng ngoại của giảng viên có ảnh hưởng tiêu cực đến động lực thu nhận kiến thức và thành tích của sinh viên [14].

Tác giả Nguyễn Thị Thảo trong nghiên cứu “Động lực và cản trở trong việc học tiếng Anh của sinh viên dân tộc thiểu số ở Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên” thấy rằng động lực học của sinh viên chịu sự ảnh hưởng chủ yếu từ các yếu tố là tìm một công việc tốt hơn, thay đổi bản thân và giao tiếp với người nước ngoài [15].

Tác giả Solichin và cộng sự trong nghiên cứu “Động lực học tập khi có sự ảnh hưởng từ hỗ trợ xã hội và học tập tự điều chỉnh dựa trên kết quả học tập” cho thấy sự hỗ trợ xã hội có tác động tích cực và đáng kể đến động lực học tập. Học tập tự điều chỉnh cũng có tác động tích cực và ảnh hưởng đáng kể đến kết quả học tập thông qua động lực học tập [16].

Qua tổng quan các nghiên cứu liên quan đến động lực học tập, không nhiều nghiên cứu xem xét một cách tổng hợp các yếu tố tác động đến động lực học tập hay đánh giá mức độ tác động của các yếu tố này. Những nghiên cứu trước đây đa phần tập trung vào xem xét các yếu tố riêng lẻ tác động đến động lực học tập của sinh viên như: năng lực giảng viên, mục tiêu học tập của sinh viên, phương pháp giảng dạy được áp dụng tại cơ sở đào tạo, môi trường học tập, phương thức truyền đạt thông tin đến sinh viên hay nội dung giảng dạy. Các nghiên cứu này cũng cho thấy sự thiếu nhất trí về một khung lý thuyết để phân tích các yếu tố tác động đến động lực học tập hay đánh giá mức độ tác động của từng yếu tố đến động lực học tập của sinh viên ở trường đại học. Trên cơ sở lược khảo các nghiên cứu liên quan, tác giả nhận thấy rằng cần thực hiện nghiên cứu để lấp đầy khoảng trống tri thức, cụ thể là phân tích thực trạng động lực học tập và sự tác động từ các động lực học tập đó đến sinh viên. Tác giả nhận thấy vấn đề nghiên cứu này ít được xem xét trong bối cảnh các khoa đào tạo, các trường đại học ở Việt Nam, đặc biệt là tại khoa Kinh tế trường Đại học Đồng Tháp thì chưa tìm thấy những nghiên cứu như vậy được thực

hiện trước đây. Do đó tác giả quyết định thực hiện nghiên cứu với mục tiêu đánh giá thực trạng động lực học tập của sinh viên nhằm cung cấp những thông tin hữu ích để các nhà quản lý giáo dục của khoa và trường đề ra định hướng động lực học tập đúng đắn cho sinh viên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành qua 2 giai đoạn: nghiên cứu sơ bộ bằng phương pháp định tính và nghiên cứu chính thức bằng phương pháp định lượng.

Nghiên cứu sơ bộ nhằm mục đích khám phá các khía cạnh của động lực học tập đối với sinh viên và xem xét sự phù hợp của các thang đo.

Nghiên cứu chính thức với công cụ là bảng câu hỏi được thiết kế sẵn. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát sinh viên đang theo học tại khoa Kinh tế trường Đại học Đồng Tháp. Quy mô mẫu được tính theo công thức (1) [17], trong đó:

N: tổng thể của nghiên cứu (theo số lượng thống kê tại thời điểm khảo sát thì khoa Kinh tế trường Đại học Đồng Tháp có 804 sinh viên).

Z: giá trị từ phân phối chuẩn, tại khoảng tin cậy 95% thì Z có giá trị bằng 1,96.

p: tỷ lệ lấy được mẫu tốt 50%.

d: mức sai số chấp nhận là 5%.

n: kích thước mẫu.

$$n = \frac{NZ^2p(1-p)}{Nd^2 + Z^2p(1-p)} = 259,95 \quad (1)$$

(Kết quả sau khi làm tròn là 260)

Nghiên cứu sử dụng phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng, được chọn theo tiêu chí ngành học. Thời gian tiến hành thu thập dữ liệu từ 05/5/2021 đến 25/5/2021 với tổng số 260 phiếu khảo sát. Thông tin về mẫu nghiên cứu được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Kích cỡ và cơ cấu mẫu nghiên cứu

Ngành học	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ (%)	Cỡ mẫu được chọn
Quản trị kinh doanh (QTKD)	263	32,7	85
Tài chính - Ngân hàng (TCNH)	134	16,7	43
Kế toán (KT)	407	50,6	132
Tổng	804	100,0	260

(Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả, 2021)

Các câu hỏi nghiên cứu được đo lường theo 5 mức độ của thang đo Likert nhằm kiểm tra mức độ đồng ý của người trả lời với các biến cụ thể của nghiên cứu từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý/không ảnh hưởng) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý/ảnh hưởng). Sau khi khảo sát xong sẽ tiến hành mã hóa, nhập liệu và làm sạch dữ liệu. Việc phân tích dữ liệu sau đó được thực hiện bằng phần mềm SPSS.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 260 phiếu khảo sát, trong đó có 192 phiếu (chiếm 73,8%) là nữ, còn lại 68 phiếu (chiếm 26,2%) là nam. Điều này cho thấy sự chênh lệch khá lớn về giới tính của sinh viên kinh tế. Đây chính là một nét đặc thù đối với sinh viên của Khoa Kinh tế và cũng là của Trường Đại học Đồng Tháp, nơi mà lĩnh vực đào tạo giáo viên được xem là nòng cốt. Về kết quả học tập, số lượng sinh viên được khảo sát có kết quả học tập loại khá chiếm tỷ lệ cao nhất với 53,1%, loại trung bình chiếm 29,6%, loại giỏi và xuất sắc chiếm 11,1% và còn lại 6,2% là kết quả học tập dưới trung bình (Bảng 2).

Bảng 2. Đặc điểm mẫu khảo sát

	Biến số	Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	68	26,2
	Nữ	192	73,8
Kết quả học tập	Xuất sắc	11	4,2
	Giỏi	18	6,9
	Khá	138	53,1
	Trung bình	77	29,6
	Dưới trung bình	16	6,2

(Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả, 2021)

3.2. Động lực học tập của sinh viên

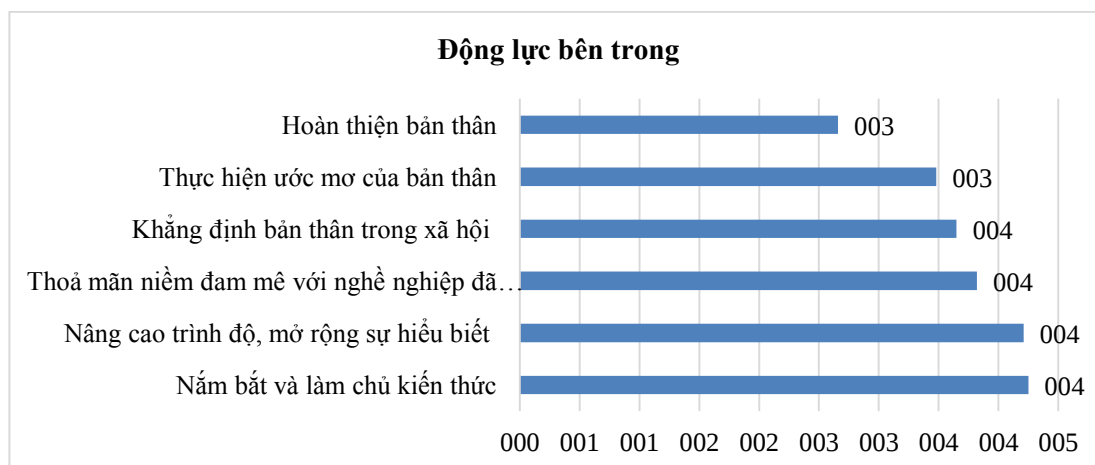
Từ dữ liệu nghiên cứu thu thập được cho thấy động lực học tập của sinh viên chịu sự tác động của cả 2 loại động lực là động lực bên trong và động lực bên ngoài. Trong đó, động lực bên trong được sinh viên đánh giá cao hơn (chiếm 58,46%) so với động lực bên ngoài (chiếm 41,54%). Kết quả này chứng tỏ rằng phần lớn sinh viên đều cho rằng mục tiêu của việc học không chỉ là để có địa vị cao trong xã hội hay để có bằng cấp mà chủ yếu còn vì để nắm bắt và làm chủ kiến thức, nâng cao trình độ hay để hoàn thiện bản thân (Bảng 3).

Bảng 3. Động lực học tập của sinh viên

Động lực học tập của sinh viên	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Hoàn thiện bản thân	14	9,21
Nắm bắt và làm chủ kiến thức	41	26,97
Khẳng định bản thân trong xã hội	22	14,47
Nâng cao trình độ, mở rộng sự hiểu biết	34	22,37
Thoả mãn niềm đam mê với nghề nghiệp đã chọn	25	16,45
Thực hiện ước mơ của bản thân	16	10,53
Động lực bên trong	152	58,46
Đáp ứng sự mong đợi của gia đình	30	27,78
Có địa vị cao trong xã hội	10	9,26
Được mọi người ngưỡng mộ, khen ngợi	16	14,81
Có điểm số học tập tốt	14	12,96
Không muốn thua kém bạn bè	26	24,07
Có bằng cử nhân kinh tế	12	11,11
Động lực bên ngoài	108	41,54

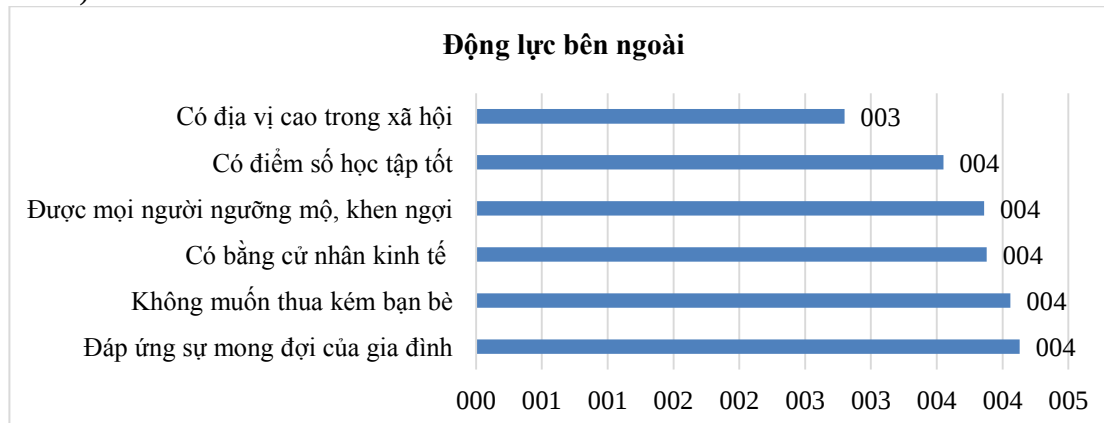
(Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả, 2021)

Đối với động lực bên trong, sinh viên đánh giá rất cao, nhất là việc học để nắm bắt và làm chủ kiến thức với điểm trung bình (ĐTB) là 4,25, học để nâng cao trình độ, mở rộng sự hiểu biết cũng được đánh giá khá cao với ĐTB là 4,21. Điều này cho thấy có một số bộ phận sinh viên có ý chí học tập và nhận thức trong học tập khá cao. Họ học không chỉ là để nâng cao trình độ mà còn muốn làm chủ kiến thức cho bản thân mình trước sự đòi hỏi ngày càng cao của xã hội về chất lượng nguồn lao động. Bên cạnh đó, việc học để thực hiện ước mơ của bản thân, để khẳng định bản thân trong xã hội, và học để thoả mãn niềm đam mê với nghề nghiệp đã chọn được sinh viên đánh giá tương đối cao với ĐTB dao động từ 3,48 đến 3,82. Tiêu chí được đánh giá thấp nhất là học để hoàn thiện bản thân có ĐTB 2,66. Đây là nhóm sinh viên có mong muốn học để trở thành những người có ích cho xã hội, có nghề nghiệp ổn định và có thu nhập tương đối cao để có thể tự lập về tài chính, ngoài ra còn có thể giúp hoàn thiện nhân cách của bản thân, làm một người có nhận thức và hành động đúng đắn (Hình 1).



Hình 1. Kết quả đánh giá đối với các yếu tố của động lực bên trong

Đối với động lực bên ngoài thì đa số các tiêu chí đều được đánh giá khá cao, như học để đáp ứng sự mong đợi của gia đình (ĐTB là 4,13), học để không muốn thua kém bạn bè (ĐTB là 4,06), để có bằng cử nhân kinh tế, để được mọi người ngưỡng mộ, khen ngợi, và học để có điểm số học tập tốt (ĐTB từ 3,55 đến 3,88). Tiêu chí học để có địa vị cao trong xã hội được đánh giá thấp hơn với ĐTB là 2,80. Kết quả này cho thấy có một số sinh viên chưa nhận thức đầy đủ và đúng đắn vai trò của việc học, chưa xem việc học là vì chính bản thân mình mà chỉ vì đáp ứng sự kì vọng của gia đình, học không phải vì đam mê, sở thích hay nắm bắt kiến thức cho bản thân mà chỉ để có bằng cấp, không phải để thực hiện ước mơ mà chỉ vì không muốn thua kém bạn bè (Hình 2).



Hình 2. Kết quả đánh giá đối với các yếu tố của động lực bên ngoài

Theo kết quả ở Bảng 4 cho thấy, sinh viên học ngành QTKD và TCNH đánh giá cao động lực bên trong hơn so với động lực bên ngoài. Cụ thể đối với ngành QTKD là 38,16% so với 25,00%, còn ngành TCNH là 17,76% so với 14,81%. Ngược lại, sinh viên ngành KT thì đánh giá cao động lực bên ngoài hơn (60,19%) so với động lực bên trong (44,08%). Điều này cho thấy việc học tập của sinh viên ngành QTKD và TCNH chịu sự tác động mạnh bởi việc khẳng định vị thế bản thân trong xã hội và trên hết là để thoả mãn niềm đam mê với nghề nghiệp, còn đối với sinh viên ngành KT thì việc học là để đáp ứng sự mong đợi từ gia đình và được khen ngợi.

Bảng 4. Sự khác biệt về động lực học tập theo ngành học của sinh viên

Ngành học	Động lực bên trong		Động lực bên ngoài	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
QTKD	58	38,16	27	25,00
TCNH	27	17,76	16	14,81
KT	67	44,08	65	60,19
Tổng	152	100,00	108	100,00

(Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả, 2021)

Kết quả so sánh sự khác biệt về động lực học tập giữa nam và nữ ở Bảng 5 cho thấy, các sinh viên nữ đánh giá cao động lực bên trong hơn so với động lực bên ngoài, thể hiện qua tỷ lệ lựa chọn là 76,97% so với 69,44%. Ngược lại, các sinh viên nam thì nghiêng về lựa chọn động lực bên ngoài hơn (30,56%) so với động lực bên trong (23,03%). Điều này cho thấy việc học tập của sinh viên nam thường đề cao tính hơn thua, học vì cạnh tranh với bạn bè, ngược lại sinh viên nữ thường đề cao vai trò của kiến thức nghề nghiệp hơn.

Bảng 5. Sự khác biệt về động lực học tập theo giới tính của sinh viên

Giới tính	Động lực bên trong		Động lực bên ngoài	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nam	35	23,03	33	30,56
Nữ	117	76,97	75	69,44
Tổng	152	100,00	108	100,00

(Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả, 2021)

4. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu có thể kết luận rằng động lực học tập của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Đồng Tháp chịu sự tác động của cả 2 loại động lực là động lực bên trong và động lực bên ngoài. Đa số sinh viên chịu sự chi phối của nguồn động lực bên trong, trong đó học để “Nắm bắt và làm chủ kiến thức” và “Nâng cao trình độ, mở rộng sự hiểu biết” có sự chi phối mạnh nhất đến việc học tập của sinh viên. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn cho thấy có sự khác biệt về động lực học tập theo ngành học, theo giới tính. Đây là thông tin để các Nhà quản lý của khoa và trường định hướng việc học của sinh viên trong quá trình dạy học và giáo dục. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng còn có những hạn chế, đó là chưa phân tích được các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên cũng như chưa so sánh sự khác biệt về động lực học tập theo khóa học, theo học lực,... nên các nghiên cứu tiếp theo cần thực hiện để khoa và nhà trường có cơ sở để ra giải pháp thúc đẩy việc học của sinh viên một cách hiệu quả hơn.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài mã số SPD2020.01.26.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] P. K. Murphy and P. A. Alexander, "A Motivated Exploration of Motivation Terminology," *Contemporary Educational Psychology*, vol. 25, no. 1, pp. 3-53, 2000.
- [2] P. R. Pintrich, "A Motivational Science Perspective on the Role of Student Motivation in Learning and Teaching Contexts," *Journal of Educational Psychology*, vol. 95, no. 4, pp. 667-686, 2003.
- [3] A. Tella, C. O. Ayeni, and S. O. Popoola, "Work Motivation, Job Satisfaction, and Organisational Commitment of Library Personnel in Academic and Research Libraries in Oyo State, Nigeria," *Library Philosophy and Practice - Electronic Journal*, vol. 118, no. 4, pp. 1-16, 2007.
- [4] G. Kinman and R. Kinman, "The role of motivation to learn in management education," *Journal of Workplace Learning*, vol. 13, no. 4, pp. 132-144, 2001.
- [5] M. I. Ullah, A. Sagheer, T. Sattar, and S. Khan, "Factors Influencing Students Motivation to Learn in Bahauddin Zakariya University, Multan (Pakistan)," *International Journal of Human Resource Studies*, vol. 3, no. 2, pp. 90-108, 2013.

-
- [6] K. Valerio, "Intrinsic motivation in the classroom," *Journal of Student Engagement: Education Matters*, vol. 2, no. 1, pp. 30-35, 2012.
- [7] L. Allahqoli, V. Nithyanantham, A. Rahmani, A. Allahveisi, R. G. Gheshlagh, A. Fallahi, and B. Nemat-Shahrabaki, "Exploring the factors affecting the motivation for learning from the perspective of public health students: A qualitative study," *Journal of Mind and Medical Sciences*, vol. 6, no. 2, pp. 319-326, 2019.
- [8] N. T. M. Hoang and K. T. Nguyen, "Factors affecting the motivation in learning of economics students in Can Tho university," *Can Tho University Journal of Science*, no. 46, pp. 107-115, 2016.
- [9] K. C. Williams and C. C. Williams, "Five key ingredients for improving student motivation," *Research in Higher Education Journal*, vol. 11, no. 12, pp. 1-23, 2011.
- [10] G. T. B. Nguyen and N. T. Du, "Learning motivations of students at Binh Duong University," *Can Tho University Journal of Science*, no. 34, pp. 46-55, 2014.
- [11] M. Misiran, Z. M. Yusof, M. Mahmuddin, Y. C. Lee, N. A. Hasan and N. M. Noor, "Factors Influencing Students' Motivation to Learning in University Utara Malaysia (UUM): A Structural Equation Modeling Approach," *Mathematics and Statistics: Open Access*, vol. 2, no. 3, pp. 1-10, 2016.
- [12] E. Meşe and Ç. Sevilen, "Factors influencing EFL students' motivation in online learning: A qualitative case study," *Journal of Educational Technology & Online Learning*, vol. 4, no. 1, pp. 11-22, 2021.
- [13] E. Schiller and H. Dorner, "Factors influencing senior learners' language learning motivation. A Hungarian perspective," *Journal of Adult Learning, Knowledge and Innovation*, vol. 2059, no. 10, pp. 1-10, 2020.
- [14] S. Khalilzadeh and A. Khodi, "Teachers' personality traits and students' motivation: A structural equation modeling analysis," *Current Psychology*, vol. 40, pp. 1635-1650, 2021.
- [15] T. T. Nguyen, "Motivation and constraints in English language learning of ethnic minority students at Thai Nguyen university of sciences," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 225, no. 12, pp. 115-122, 2020.
- [16] M. M. Solichin, A. Muhlis, and A. G. Ferdiant, "Learning Motivation as Intervening in the Influence of Social Support and Self Regulated Learning on Learning Outcome," *International Journal of Instruction*, vol. 14, no. 3, pp. 945-964, 2021.
- [17] F. P. David, *Understanding and doing research: A handbook for beginners*, Philippines: Panorama Printing Inc, 2005.